

KĨ NĂNG NHẬN DẠNG NỘI DUNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON

Trịnh Thúy Giang

Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Trong chương trình giáo dục mầm non 2009, nội dung giáo dục kĩ năng sống (KNS) được lồng ghép vào các nội dung của: giáo dục phát triển thể chất, giáo dục phát triển thẩm mỹ, giáo dục phát triển nhận thức, giáo dục phát triển ngôn ngữ, giáo dục phát triển tình cảm - xã hội. Điều này đặt ra vấn đề cần phải giải quyết với mỗi giáo viên mầm non là phải nhận dạng được các nội dung giáo dục KNS được hàm chứa trong các nội dung giáo dục đó trước khi tiến hành giáo dục KNS cho trẻ. Bài viết nhằm đánh giá thực trạng của vấn đề này, từ đó làm cơ sở thực tiễn cho các sở giáo dục, các trường mầm non có các giải pháp nâng cao kĩ năng nhận dạng nội dung giáo dục KNS nói riêng và chất lượng giáo dục KNS nói chung cho các trường mầm non hiện nay.

Từ khóa: Kĩ năng sống, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục mầm non, giáo viên mầm non, nội dung giáo dục kĩ năng sống, kĩ năng nhận dạng.

1. Mở đầu

Năm 2009, giáo dục (GD) kĩ năng sống (KNS) chính thức được đưa vào chương trình giáo dục mầm non [2]. Từ đó đến nay, các trường mầm non trong cả nước đã tiến hành tích hợp giáo dục KNS cho trẻ và coi đó là một trong các nội dung của chất lượng giáo dục của bậc học [1]. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, những nghiên cứu về giáo dục KNS ở bậc học này còn tương đối ít, đặc biệt chưa có công trình nào nghiên cứu về các kĩ năng giáo dục KNS cơ bản của giáo viên mầm non cũng như thực trạng giáo dục KNS ở bậc học này.

Giáo dục kĩ năng sống ở Mầm non chủ yếu được lồng ghép vào trong các nội dung giáo dục của chương trình giáo dục mầm non: Giáo dục và phát triển thể chất, phát triển thẩm mỹ, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm - xã hội [2, 5]. Như vậy, để có thể giáo dục được kĩ năng sống cho trẻ, trước hết, người giáo viên cần nhận dạng được các nội dung giáo dục KNS được hàm chứa trong các nội dung giáo dục nói trên. Bài viết nhằm đánh giá thực trạng của vấn đề này, từ đó làm cơ sở thực tiễn quan trọng cho các sở giáo dục đề xuất những giải pháp phù hợp, giúp cho việc nâng cao chất lượng giáo dục KNS nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung ở bậc học này.

Ngày nhận bài: 15/2/2015. Ngày nhận đăng: 20/5/2015.

Liên hệ: Trịnh Thúy Giang, e-mail: trinhthuygiang159@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về kĩ năng sống, giáo dục kĩ năng sống, kĩ năng nhận dạng nội dung giáo dục kĩ năng sống

Có nhiều định nghĩa khác nhau về KNS. Theo quan điểm của Tổ chức y tế thế giới (WHO): *Kĩ năng sống là năng lực tâm lí xã hội, là khả năng ứng phó một cách hiệu quả của cá nhân với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống* [1, 3, 7]. Quan điểm này được nhiều nhà khoa học, nhiều nhà hoạt động xã hội sử dụng nhiều hơn cả bởi lẽ nó nói lên được nhiều nhất bản chất tâm lí - xã hội, bản chất tâm lí - giáo dục của KNS - là khả năng của một cá nhân để duy trì một trạng thái khỏe mạnh về mặt tinh thần, biểu hiện qua các hành vi phù hợp và tích cực, khi tương tác với người khác, với nền văn hóa và môi trường xung quanh. Mặt khác, năng lực tâm lí xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy sức khỏe theo nghĩa rộng nhất về thể chất, tinh thần và xã hội nhằm đáp ứng và đối phó với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày.

Như vậy, kĩ năng sống vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội. KNS mang tính cá nhân vì đó là năng lực của cá nhân. Kĩ năng sống còn mang tính xã hội vì trong mỗi một giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, ở mỗi vùng miền lại đòi hỏi mỗi cá nhân có những kĩ năng sống thích hợp. Kĩ năng sống không phải chỉ đối phó với căng thẳng, giải quyết những vấn đề tệ nạn xã hội mà nó còn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

Giáo dục và hình thành kĩ năng sống cho mọi người nói chung và trẻ em nói riêng đang được các nước trên thế giới và ở Việt Nam thực hiện như một nhiệm vụ quan trọng. Tuy nhiên, nội dung giáo dục kĩ năng sống ở các nước không giống nhau, nó vừa thể hiện cái chung vừa mang tính đặc thù.

Giáo dục kĩ năng sống sẽ giúp người học, đặc biệt là trẻ em biết tự chăm sóc và bảo vệ bản thân, tránh khỏi những nguy hiểm. Trẻ có thể hoà nhập nhanh với cuộc sống xung quanh, trẻ biết cách phát triển các mối quan hệ với mọi người, với thiên nhiên từ đó học hỏi và làm giàu có thêm vốn kiến thức, kinh nghiệm cũng như các kĩ năng của bản thân. Khi được trang bị những kĩ năng sống phù hợp, trẻ có cơ hội để phát triển nhân cách đầy đủ và đúng hướng. Căn cứ vào bản chất, đặc điểm của giáo dục nhân cách nói chung và đặc trưng của kĩ năng sống nói riêng, chúng tôi cho rằng: *Giáo dục KNS là quá trình giáo dục có mục đích, có kế hoạch, có nội dung, có phương pháp và hình thức tổ chức đặc thù, nhằm hình thành và phát triển kĩ năng sống cần thiết cho cá nhân trong những thời điểm phát triển xã hội nhất định.*

Nhận dạng nội dung giáo dục KNS theo chúng tôi là sự hiểu biết và lựa chọn đúng của giáo viên về các nội dung giáo dục KNS được hàm chứa trong nội dung giáo dục của chương trình giáo dục mầm non. Việc nhận dạng này nếu không thành công, giáo viên mầm non sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn khi lựa chọn các KNS để giáo dục cho trẻ, từ đó sẽ ảnh hưởng tiếp theo đến việc thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục KNS của giáo viên

2.2. Thực trạng kĩ năng nhận dạng các nội dung giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non

Chúng tôi tiến hành khảo sát 842 giáo viên (GV) của hơn 20 trường mẫu giáo nội và ngoại thành Hà Nội để tìm hiểu về kĩ năng nhận dạng các nội dung giáo dục KNS của giáo viên theo từng nhóm: giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe; giáo dục và phát triển nhận thức; GD và phát triển ngôn ngữ; GD và phát triển kĩ năng xã hội bằng các phương pháp:

- Phương pháp điều tra giáo dục: Xây dựng và sử dụng hệ thống bảng hỏi gồm các câu hỏi kín và mở dành cho các giáo viên mầm non để tìm hiểu kĩ năng nhận dạng các nội dung GDKNS của họ, trong đó tập trung chủ yếu là một số câu hỏi chúng tôi liệt kê các nội dung giáo dục thuộc

các lĩnh vực: giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe; giáo dục và phát triển nhận thức; GD và phát triển ngôn ngữ; GD và phát triển kỹ năng xã hội để yêu cầu giáo viên nhận biết và lựa chọn các nội dung mà họ cho là nội dung giáo dục KNS. Sau đó thông tin thu thập được tiến hành xử lý và đánh giá, rút ra kết luận.

- Phương pháp đàm thoại: Trò chuyện với các GV mầm non về các nội dung có liên quan đến KNS, giáo dục KNS, nội dung giáo dục KNS để tìm hiểu về sự hiểu biết về những vấn đề đó của họ

- Phương pháp quan sát sư phạm: Quan sát các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ của các cô giáo mầm non nhằm khẳng định thêm các thông tin thu được về sự nhận dạng các KNS của GV mầm non thành phố Hà Nội.

Chúng tôi lượng hóa và phân tích thông tin thu được bằng phần mềm SPSS 13.0 for Window. Kết quả nghiên cứu như sau:

2.2.1. Hiểu biết của giáo viên mầm non về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Thứ nhất, có tới 98,2% giáo viên mầm non thành phố Hà Nội hiểu chưa đầy đủ về KNS, cụ thể là:

+/ 33,5% GV cho rằng KNS là kỹ năng ứng xử hàng ngày;

+/ 32,9 % GV cho rằng KNS là kỹ năng để tham gia vào các hoạt động xã hội;

+/ 31,8% GV cho rằng KNS là kỹ năng để giao tiếp với người khác có hiệu quả;

Số GV mầm non hiểu đúng về KNS với số lượng không nhiều:

+/1,8% cho rằng KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày.

Thứ hai, 100% các giáo viên trong các trường mầm non thành phố Hà Nội đều nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục KNS cho trẻ trong giai đoạn hiện nay là cần thiết và rất cần thiết.

Thứ ba, hầu hết các giáo viên mầm non thành phố Hà Nội đều cho rằng GDKNS cho trẻ là hình thành và phát triển một trong các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, kỹ năng ứng xử hàng ngày. Đây là quan niệm chưa đầy đủ về giáo dục KNS cho trẻ.

Thứ tư, số GV mầm non quan niệm đúng về giáo dục KNS cho trẻ chiếm tỉ lệ rất ít, chỉ có 1,3%.

Chúng tôi tiếp tục nghiên cứu về sự ảnh hưởng của những hiểu biết trên đến khả năng nhận dạng nội dung giáo dục KNS của các giáo viên mầm non thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu thể hiện trong các bảng dưới đây.

2.2.2. Kỹ năng nhận dạng các nội dung giáo dục KNS của giáo viên mầm non thành phố Hà Nội

Bảng 1 cho thấy, các nhóm được GV nhận dạng giảm dần theo các thứ tự sau:

1. Nhóm kỹ năng Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe (59,11%).

2. Nhóm Giáo dục và phát triển nhận thức (57,62).

3. Nhóm Giáo dục và phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội (56,03).

4. Nhóm Giáo dục và phát triển ngôn ngữ (53,51).

Tỉ lệ GV nhận dạng được các nội dung GDKNS ở mức độ trung bình, sự chênh lệch tỉ lệ giữa các nhóm là không đáng kể.

Để tìm hiểu xem giáo viên nhận biết các nội dung giáo dục KNS trong từng nhóm như thế nào, chúng tôi tiếp tục thu thập và xử lý thông tin về vấn đề này. Số liệu được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 1. Tổng hợp chung kĩ năng nhận dạng các nội dung GDKNS của GV mầm non theo nhóm

STT	Nhóm các kĩ năng	Không phải KNS		Là KNS	
		SL	%	SL	%
1	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	344	40,90	498	59,10
2	Giáo dục và phát triển nhận thức	357	42,38	485	57,62
3	Giáo dục và phát triển ngôn ngữ	391	46,49	451	53,51
4	Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	370	43,97	472	56,03

Bảng 2. Nhận dạng nội dung GDKNS của GV trong nhóm GD sức khỏe và dinh dưỡng

STT	Nhóm GD sức khỏe và dinh dưỡng	Không phải KNS		Là KNS	
		SL	%	SL	%
1	Nhận biết và phân biệt 4 nhóm thực phẩm	344	40,86	498	59,14
2	Hiểu được lợi ích của thực phẩm với đời sống con người	382	45,37	460	54,63
3	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	399	47,44	442	52,56
4	Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất với sức khỏe	376	44,76	464	55,24
5	Chăm sóc và bảo vệ một số bộ phận cơ thể và giác quan	384	45,61	458	54,39
6	Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt (Đánh răng, rửa mặt, rửa tay xà phòng, đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng các dụng cụ vệ sinh đúng cách)	358	42,52	484	57,48
7	Nhận biết cách phòng tránh một số bệnh thông thường	344	40,86	498	59,14
8	Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	362	42,99	480	57,01
9	Nề nếp, thói quen văn minh tốt trong ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	386	45,84	456	54,16
10	Nhận biết được một số biểu hiện khi ốm	351	41,69	491	58,31
11	Nhận biết một số quy tắc an toàn	370	43,94	472	56,06
12	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	369	43,82	473	56,18
13	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	387	45,96	455	54,04
Tổng		370	43,97	472	56,03

Bảng 2 cho thấy: Số giáo viên nhận dạng được các nội dung giáo dục KNS cao hơn số giáo viên không nhận dạng được các nội dung giáo dục KNS nhưng chỉ ở mức trung bình.

Chúng tôi tiếp tục tìm hiểu khả năng nhận dạng các nội dung giáo dục KNS trong nhóm Giáo dục và phát triển nhận thức. Kết quả được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3 cho thấy, các nội dung giáo dục KNS thuộc nhóm Giáo dục và phát triển nhận thức được giáo viên nhận dạng với số lượng nhiều hơn, tuy nhiên giá trị trung bình thu được cũng chỉ ở mức 59,11%.

Chúng tôi tiếp tục đưa ra các nội dung giáo dục thuộc nhóm Giáo dục và phát triển ngôn ngữ để các giáo viên nhận biết các nội dung giáo dục KNS trong đó. Kết quả thu được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 3. Nhận dạng nội dung GDKNS trong nhóm GD và phát triển nhận thức

STT	Giáo dục và phát triển nhận thức	Không phải KNS		Là KNS	
		SL	%	SL	%
1	Có thái độ đúng đắn, tích cực đối với môi trường sống	527	62,59	315	37,41
2	Phân biệt các sự vật, hiện tượng bằng các giác quan	424	50,34	418	49,64
3	Khả năng quan sát, so sánh, phân loại, khái quát	419	49,76	423	50,24
4	Khả năng suy đoán, suy nghĩ có phê phán và giải quyết những vấn đề đơn giản của cuộc sống	359	42,64	483	57,36
5	Khả năng hiểu biết về môi trường sống và có khả năng diễn đạt sự hiểu biết	337	40,02	505	59,98
Tổng		413	49,05	429	50,95

Bảng 4. Nhận dạng nội dung GDKNS trong nhóm GD và phát triển ngôn ngữ

STT	Giáo dục và phát triển ngôn ngữ	Không phải KNS		Là KNS	
		SL	%	SL	%
1	Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau	392	46,56	450	53,44
2	Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.	335	39,79	507	60,21
4	Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.	337	40,02	505	59,98
5	Lắng nghe người khác nói	349	41,45	493	58,55
6	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	371	44,06	471	55,94
Tổng		357	42,38	485	57,62

Bảng 4 cũng cho thấy chỉ có hơn một nửa giáo viên nhận biết được các nội dung giáo dục KNS trong số các nội dung giáo dục thuộc nhóm Giáo dục và phát triển ngôn ngữ. So với các

nhóm khác, số giáo viên nhận dạng được các nội dung giáo dục KNS cũng không đáng kể.

Nhận dạng nội dung GDKNS trong nhóm GD và phát triển kĩ năng xã hội được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. Nhận dạng nội dung GDKNS trong nhóm GD và phát triển kĩ năng xã hội

STT	Giáo dục và phát triển KNXH	Không phải KNS		Là KNS	
		SL	%	SL	%
1	-Ý thức về bản thân	395	46,91	447	53,09
2	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	387	46,02	454	53,98
3	-Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.	413	49,05	429	50,95
4	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	403	47,86	439	52,14
5	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	390	46,32	452	53,68
6	Thể hiện cảm xúc bằng nhiều cách khác nhau khi tham gia các hoạt động	398	47,27	444	52,73
7	Tích cực hoạt động cá nhân và hoạt động tập thể	410	48,69	432	51,31
8	Nhận biết về bản thân, các thành viên trong gia đình, bạn bè, cộng đồng...	435	51,66	407	48,34
9	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	405	48,10	437	51,90
10	Nhận biết một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	365	43,35	477	56,65
11	Yêu mến, quan tâm đến bạn bè và những người xung quanh	359	42,64	483	57,36
12	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	390	46,32	452	53,68
13	Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	385	45,72	457	54,28
14	Có một số kĩ năng phòng, tránh rủi ro	399	47,39	443	52,61
15	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	372	44,18	470	55,82
16	Quan tâm và bảo vệ môi trường (Tiết kiệm điện, nước, giữ gìn vệ sinh môi trường; Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối..)	356	42,28	486	57,72
Tổng		391	46,49	451	53,51

Bảng 5 cho thấy chỉ có hơn một nửa giáo viên nhận dạng được các nội dung giáo dục KNS trong nhóm Giáo dục và phát triển kĩ năng xã hội và độ chênh lệch với các nhóm khác là không nhiều.

Theo các công trình nghiên cứu về KNS [1], [3], [4], [5] thì tất cả các nội dung giáo dục trên, đều là những nội dung giáo dục KNS cho trẻ mẫu giáo, tuy nhiên các số liệu trong các bảng trên cho thấy GV chỉ nhận dạng được các KNS đó ở mức độ trung bình.

2.3. Đánh giá thực trạng kỹ năng nhận dạng các nội dung giáo dục kỹ năng sống của GV mầm non

Tiêu chí đánh giá

Căn cứ vào các mức độ nhận dạng các nội dung giáo dục KNS, chúng tôi xây dựng các tiêu chí và thang đánh giá như sau:

Nhận dạng được đúng một nội dung giáo dục KNS: 0,25 điểm. Biểu hiện cụ thể như sau:

Nhận dạng đúng 13 nội dung giáo dục KNS trong Bảng 2: 3,25 điểm

Nhận dạng đúng 05 nội dung giáo dục KNS trong Bảng 3: 1,25 điểm

Nhận dạng đúng 06 nội dung giáo dục KNS trong Bảng 4: 1,5 điểm

Nhận dạng đúng 16 nội dung giáo dục KNS trong Bảng 5: 4,0 điểm

Tổng điểm: 10 điểm

Thang đánh giá:

Việc đánh giá năng lực giáo dục KNS được thực hiện theo thang khoảng với các mức: kỹ năng nhận dạng rất tốt; kỹ năng nhận dạng tốt; có kỹ năng nhận dạng và không có kỹ năng nhận dạng. Cụ thể như sau:

Kỹ năng nhận dạng rất tốt: Đạt từ 8-10 điểm: Nhận dạng được đúng từ 80% trở lên các nội dung giáo dục KNS.

Kỹ năng nhận dạng tốt: Đạt từ 6 đến dưới 8 điểm: Nhận dạng đúng từ 60 đến 80% các nội dung giáo dục KNS.

Có kỹ năng nhận dạng: Đạt từ 5 điểm đến dưới 6 điểm: Nhận dạng đúng từ 50 đến 60% các nội dung giáo dục KNS.

Không có kỹ năng nhận dạng: Đạt dưới 5 điểm: Nhận dạng dưới 50% các nội dung giáo dục KNS.

Kết quả như sau:

STT	Các mức độ đạt được	Kết quả	
		SL	%
1	Kỹ năng nhận dạng rất tốt	98	11,64
2	Kỹ năng nhận dạng tốt	130	15,43
3	Có kỹ năng nhận dạng	505	59,98
4	Không có kỹ năng nhận dạng	109	12,95
Tổng		842	100

Kết quả trong bảng trên cho thấy hơn một nửa giáo viên mầm non mới chỉ có kỹ năng nhận dạng các nội dung giáo dục KNS. Vẫn còn có giáo viên chưa có kỹ năng nhận dạng các nội dung giáo dục KNS. Số giáo viên có kỹ năng nhận dạng tốt và rất tốt chiếm tỉ lệ không nhiều.

2.3.1. Nguyên nhân của thực trạng trên

Từ các số liệu trên cho thấy, một trong các nguyên nhân cơ bản dẫn đến kỹ năng nhận dạng các nội dung giáo dục KNS của giáo viên mầm non còn hạn chế là do hiểu biết của họ về kỹ năng